

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 15/9/2025.

V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Nhân; Ông Huỳnh Văn Dứt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang: Ông Lê Trần Long – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 546/2025/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 6 năm 2025, về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Phương T, sinh ngày 15/11/1995; CCCD 089195005200; địa chỉ: số C tổ A khóm A, thị trấn H, huyện C (nay là xã H), tỉnh An Giang. Có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh ngày 12/5/1990; CMND 351996429; địa chỉ: tổ A khóm A, thị trấn H, huyện C (nay là xã H), tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Phương T trình bày:

Bà và ông C quen biết và tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2017, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện C (nay là xã H), tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm thường xuyên cự cãi và không còn chung sống với nhau từ đó đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung; Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gởi đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định. Về ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: bà T và ông C kết hôn có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và không còn chung sống với nhau, nhận thấy tình cảm không còn, bà T yêu cầu ly hôn. Ông C không có ý kiến phản hồi và không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được; nên việc bà T xin ly hôn là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại xã H, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. *Về nội dung tranh chấp*: bà T và ông C kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo bà T trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau và không còn chung sống từ năm 2021 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, bà T yêu cầu ly hôn với ông C. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc bà T yêu cầu ly hôn và triệu tập ông C tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng ông C vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà T. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không còn chung sống từ năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian này, hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T xin ly hôn ông C.

[3] *Về quan hệ con chung*: không có.

[4] *Về quan hệ tài sản chung*: không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về quan hệ nợ chung*: không có.

[6] *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà T phải chịu là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Phương T xin ly hôn ông Nguyễn Văn C.

- Về quan hệ con chung: không có.

- Về quan hệ tài sản chung: các bên không yêu cầu giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc bà T xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì bà T, ông C phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Trần Thị Phương T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0024806 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 – An Giang) cấp ngày 16/6/2025.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Phòng THADS khu vực 11;
- VKSND khu vực 11;
- UBND xã Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình